TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 82/2019/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 17 tháng 4 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp Số 6*, xã M, huyện C, tỉnh T.

2. Chị Lê Thị N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T.

3. Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn C.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lý Thị Thu H; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: khóm N, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Chị Trần Thị Hà M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 26 và 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1978. với anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị N với anh Nguyễn Văn H tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày 31/10/2013 hiện đang sống với anh H. Chị N và anh H tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con như sau:

Anh Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày 31/10/2013.

Chị Huỳnh Thị N được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H và chị N chưa yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: chị N và anh H không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả:

- Đối với khoản nợ còn thiếu Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn C số tiền 40.000.000 đồng; thiếu chị Nguyễn Thị D 01 chỉ vàng 24Kra và thiếu chị Lê Thị N 01 chỉ vàng 24Kra và 1.300.000 đồng.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn C; chị D và chị N không khởi kiện, không yêu cầu chị N và anh H trả số tiền, vàng trong vụ án hôn nhân này nên không xem xét, giải quyết.

- Đối với khoản tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc thiếu của chị Trần Thị Hà M số tiền 28.896.000 đồng. Chị N và anh H tự nguyện thỏa thuận: chị Huỳnh Thị N trả 14.448.000 đồng và anh Nguyễn Văn H trả 14.448.000 đồng cho chị Hà M. Đối với tiền lãi chị Hà M không yêu cầu nên không xem xét.

Về thời gian trả: Chị Huỳnh Thị N, anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Hà M tự nguyện thỏa thuận do cơ quan Thi hành án dân sự huyện Càng Long giải quyết theo luật Thi hành án.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị N tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0000597, ngày 20/3/2019 do chị N nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị N số tiền tạm ứng án phí chênh lệch. Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hôn nhân.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền 722.400 đồng. Chị Huỳnh Thị N và anh

Nguyễn Văn H tự nguyện thỏa thuận mỗi người nộp 50% tiền án phí nên chị N có nghĩa vụ nộp 361.200 đồng, anh H có nghĩa vụ nộp 361.200 đồng. Chị Trần Thị Hà M không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Trần Thị Hà M 722.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0000660, ngày 08/4/2019 do chị Hà M nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Toà án tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND phường 7, Tp. Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung